

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ KIẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP KỸ SƯ ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2022

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	1800243	Trần Đình	Khôi	Nam		Việt Nam	02/8/2000	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	154	2.56	Khá
2	1800316	Ngô Lê Nhật	Quang	Nam	Kinh		25/12/2000	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	153	2.65	Khá
3	1800703	Thạch Minh	Thuận	Nam	Khmer	Việt Nam	09/6/2000	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	152	2.52	Khá
4	1800233	Ngô Quốc	Việt	Nam	Kinh	Việt Nam	12/01/2000	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	152	2.43	Trung bình
5	1700426	PHẠM MINH	KHÁI	Nam	Kinh	Việt Nam	20/10/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.28	Trung bình
6	1800206	Võ Phước	Quang	Nam	Kinh	Việt Nam	30/7/2000	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.48	Trung bình
7	1800515	Hà Xuân	Thành	Nam	Kinh	Việt Nam	19/6/2000	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.24	Trung bình
8	1800519	Cao Hồng	Sơn	Nam	Kinh	Việt Nam	27/02/2000	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.73	Khá
9	1800683	Nguyễn Trung	Hậu	Nam	Kinh	Việt Nam	13/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	151	2.81	Khá
10	1800548	Võ Dĩ	Khang	Nam	Kinh	Việt Nam	17/02/2000	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	151	2.83	Khá
11	1800202	Thị Tú	Như	Nữ	Khmer	Việt Nam	05/6/2000	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	151	2.76	Khá
12	1800257	Lê Ngọc	Duyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	13/10/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ sinh học	150	3.00	Khá
13	1800425	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	26/11/2000	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ sinh học	150	2.73	Khá
14	1800402	Ngô Kim	My	Nữ	Kinh	Việt Nam	21/12/2000	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	150	2.57	Khá
15	1800073	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	29/11/2000	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ thực phẩm	150	2.55	Khá
16	1700642	Trần Thanh Đáng	Thơ	Nữ	Kinh	Việt Nam	26/3/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	150	2.02	Trung bình
17	1800537	Nguyễn Thiện	Chí	Nam	Kinh	Việt Nam	28/02/2000	Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống thông tin	150	3.04	Khá
18	1800164	Nguyễn Thanh	Danh	Nam	Kinh	Việt Nam	02/5/2000	Tỉnh Cà Mau	Hệ thống thông tin	150	2.13	Trung bình
19	1800097	Nguyễn Vĩnh	Tuân	Nam	Kinh	Việt Nam	01/6/1997	Tỉnh Vĩnh Long	Khoa học máy tính	153	3.13	Khá
20	1800042	Lâm Vĩnh	An	Nam	Kinh	Việt Nam	27/11/2000	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	150	2.88	Khá
21	1800120	Nguyễn Lập An	Khương	Nam	Kinh	Việt Nam	04/12/2000	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	150	2.78	Khá
22	1800802	Dương Hoài	Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	08/8/2000	Tỉnh Đồng Tháp	Kỹ thuật phần mềm	150	3.00	Khá
23	1800298	Trần Quốc	Nam	Nam	Hoa	Việt Nam	13/4/2000	Tỉnh Sóc Trăng	Kỹ thuật phần mềm	150	2.35	Trung bình
24	1800201	Hà Lê	Phúc	Nam		Việt Nam	09/9/2000	Tỉnh Sóc Trăng	Kỹ thuật phần mềm	150	2.54	Khá
25	1800540	Phan Thị Mỹ	Phượng	Nữ	Kinh	Việt Nam	26/01/2000	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	150	2.55	Khá
26	1800566	Phạm Bảo	Toàn	Nam			29/10/1999	Tỉnh Hậu Giang	Quản lý xây dựng	150	2.54	Khá